

Số: 2286/BC-CĐKTCN

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
NĂM 2019**

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
1	BGH	Ban giám hiệu
2	BĐCL-KT	Bảo đảm chất lượng – Khảo thí
3	CBQL	Cán bộ quản lý
4	CBVC	Cán bộ viên chức
5	CĐKTCN	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ
6	CLCSGDNN	Chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp
7	CNMT&CNSH	Công nghệ môi trường và Công nghệ sinh học
8	CNTT	Công nghệ thông tin
9	CGKL	Cắt gọt kim loại
10	CSGDNN	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
11	CKĐCL-KĐ	Cục kiểm định chất lượng – Kiểm định.
12	DL - TM	Du lịch – Thương mại
13	ĐCN	Điện công nghiệp
14	ĐTLV	Điều tra lần vết
15	HDDL	Hướng dẫn du lịch
16	HĐ	Hợp đồng
17	HĐND	Hội đồng nhân dân
18	GV	Giáo viên, giảng viên
19	HSSV	Học sinh, sinh viên
20	KTX	Ký túc xá
21	KH-TC	Kế hoạch – Tài chính
22	KTCBMA	Kỹ thuật chế biến món ăn
23	KTML&ĐHKK	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
24	LĐT&XH	Lao động, Thương binh và Xã hội
25	NCKH	Nghiên cứu khoa học
26	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
27	QTKS	Quản trị khách sạn
28	QTNN	Quản trị nhà hàng
29	QĐ	Quyết định
30	QT-TB	Quản trị - Thiết bị

31	SPDN	Sư phạm dạy nghề
32	TB	Thông báo
33	TC - HC	Tổ chức - Hành chính
34	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
35	THCS, THPT	Trung học cơ sở, Trung học phổ thông
36	TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
37	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
38	TTGDNN	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp
39	TTDV-SX	Trung tâm Dịch vụ- Sản xuất
40	UBND	Ủy ban nhân dân

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Tên trường : Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

Tên tiếng Anh : Nha Trang College of Technology.

Cơ quan chủ quản : Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ trường :

Trụ sở chính mới (Cơ sở 1): Đường N1, khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, xã Phước Đồng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Trụ sở chính cũ (Cơ sở 1): 32 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Cơ sở 2: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Nha Trang:

- Số 298 Thống Nhất, thành phố Nha Trang;

- 162 Dã Tượng, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Cơ sở 3: Trung tâm Đào tạo lái xe ô tô-cơ giới, thôn Phước Trung, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang;

Cơ sở 4: Khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường, thôn Tân Xương, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Số điện thoại : 0258.3881139; Fax: 0258.3882333

Email : cdkctn@khanhhoa.gov.vn

Website : [http:// www.cdkctnnt.edu.vn](http://www.cdkctnnt.edu.vn)

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên : 1962

- Năm nâng cấp thành trường cao đẳng : 31/01/2007

- Năm đổi tên trường : 15/9/2017

Loại hình trường: Công lập ; Tư thục

1.1 . Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Sơ đồ cơ cấu tổ chức và nhân sự:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG



b) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường:

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường (đến 9/2019): 218 người, trong đó:

c) Đội ngũ nhà giáo:

Tổng số: 178 nhà giáo, trong đó:

- Nam: 105 nhà giáo

- Nữ: 73 nhà giáo

- Cơ hữu: 134 nhà giáo

- thỉnh giảng: 44 nhà giáo

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	01
Thạc sĩ	65
Đại học	96
Cao đẳng	11
Trung cấp	03
Công nhân bậc 5/7 trở lên	
Trình độ khác	02
Tổng số	178

1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp:

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Số lượng người học		
			Năm 2017	Năm 2018	Đến tháng 9/2019
1	Điện công nghiệp	Cao đẳng	233	207	174
		Trung cấp	160	126	81
2	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	92	31	30
		Trung cấp	24	9	8
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng	137	129	99
		Trung cấp	153	133	120
4	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	Cao đẳng	0	0	0
		Trung cấp	18	9	0
5	Công nghệ thông tin	Cao đẳng	94	78	75
		Trung cấp	108	107	116
6	Quản trị máy tính	Cao đẳng	0	0	0
		Trung cấp	0	0	0
7	Điện dân dụng	Cao đẳng	0	0	4
		Trung cấp	82	56	33
8	Điện tử dân dụng	Trung cấp	0	0	0
9	Tin học văn phòng	Trung cấp	0	0	0
10	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	18	22	7
		Trung cấp	0	20	35
11	Quản trị DN vừa và nhỏ	Cao đẳng	0	0	0
12	Quản trị nhà hàng	Cao đẳng	85	57	30
13	Nghiệp vụ nhà hàng	Trung cấp	130	97	127
14	Quản trị khách sạn	Cao đẳng	137	131	116
		Trung cấp	203	197	163
15	Hướng dẫn du lịch	Cao đẳng	11	9	0
		Trung cấp	126	135	154
16	Kỹ thuật chế biến món ăn	Cao đẳng	144	162	131
		Trung cấp	292	292	279
17	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng	80	67	46
		Trung cấp	0	14	21
18	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	264	284	266
		Trung cấp	189	174	174
19	Cơ điện tử	Cao đẳng	0	0	0
		Trung cấp	0	0	0

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Số lượng người học		
			Năm 2017	Năm 2018	Đến tháng 9/2019
20	Kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng	72	52	46
		Trung cấp	0	0	0
21	May thời trang	Cao đẳng	0	0	0
		Trung cấp	38	16	0
22	Thiết kế thời trang	Cao đẳng	0	0	0
		Trung cấp	0	0	1
23	Hàn	Trung cấp	11	8	0
24	Bảo vệ môi trường biển	Cao đẳng	0	0	0
		Trung cấp	0	0	0
25	Chế biến thực phẩm	Cao đẳng	42	44	28
		Trung cấp	107	104	48
26	Xử lý nước thải công nghiệp	Cao đẳng	0	0	0
		Trung cấp	0	0	0
27	Công nghệ sinh học	Cao đẳng	0	0	0
		Trung cấp	0	0	0
28	Công tác xã hội	Cao đẳng	0	0	0
		Trung cấp	0	0	0
Tổng cộng			3050	2770	2412

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

1.3.1. Đơn vị phụ trách: Phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí

- Phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí (BĐCL-KT) được thành lập theo Quyết định số 1016/QĐ-CĐKTCN ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang trên cơ sở là phòng Đảm bảo chất lượng-Khảo thí được thành lập vào ngày 30/12/2011 theo Quyết định số 942/QĐ-CĐN của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang;

- Chức năng, nhiệm vụ của Phòng được thực hiện theo Quyết định số 1118/QĐ-CĐKTCN ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí, theo đó phòng thực hiện 5 chức năng như sau:

- Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- Công tác khảo thí;
- Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ;
- Công tác quan hệ doanh nghiệp;
- Công tác thư viện.

1.3.2. Danh sách CBVC của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí:

TT	HỌ VÀ TÊN, ĐIỆN THOẠI, EMAIL	CHỨC DANH, NHIỆM VỤ
1	Nguyễn Văn Thoại - 0914119123 vanthoai1559@gmail.com (Nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/10/2019)	- Phó trưởng phòng, phụ trách phòng; - Thực hiện các công tác BĐCL, KĐCL, khảo thí, nghiên cứu khoa học, quan hệ doanh nghiệp, thư viện và các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng giao.
2	Phạm Minh Hoàng - 0914292662 tpmhoangcdn@gmail.com (Chuyển công tác từ phòng CTHSSV sang từ ngày 13/5/2019)	- Phó Trưởng phòng; - Thực hiện các công tác BĐCL, KĐCL, khảo thí, nghiên cứu khoa học, quan hệ doanh nghiệp, thư viện và các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.
3	Nguyễn Kim Khánh - 0912871920 kimkhanh_71@yahoo.com	- Phó Trưởng phòng; - Phụ trách công tác nghiên cứu khoa học, khảo thí.
4	Phạm Xuân Hồng Sơn - 0848794705 pdbclkt@gmail.com (Chuyển công tác sang TT GDNN Nha Trang từ ngày 01/10/2019)	- Nhân viên; - Thực hiện công tác khảo thí; thực hiện nhiệm vụ khác do trưởng phòng phân công.
5	Trần Nguyên Độ - 0905283828 trannguyendo2012@gmail.com	- Nhân viên; - Thực hiện công tác quan hệ doanh nghiệp, thực hiện nhiệm vụ khác do trưởng phòng phân công.
6	Nguyễn Thị Anh Thư - 0592162301 anhthu_ck@yahoo.com.vn	- Nhân viên; - Thực hiện công tác BĐCL& KĐCL; thực hiện nhiệm vụ khác do trưởng phòng phân công.
7	Nguyễn Thị Tuyết Nhung -0393537973 tamnhung184@gmail.com	- Nhân viên; - Thực hiện công tác thư viện, thực hiện nhiệm vụ khác do trưởng phòng phân công.

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay, là trách nhiệm của các cấp các ngành và toàn xã hội. Mục tiêu phát triển các trường chất lượng cao, các nghề đào tạo đạt trình độ quốc gia, khu vực và quốc tế đòi

hồi phải có hệ thống BĐCL giáo dục nghề nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng giúp nhà trường hoàn thiện công tác BĐCL và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Cùng với việc tập trung đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị; đổi mới chương trình đào tạo; nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV thì một giải pháp không kém phần quan trọng và có tính đột phá là phải cải tiến về quản trị nhà trường, trong đó đề cao đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo một cách tổng thể và bền vững đó là “xây dựng hệ thống BĐCL trong nhà trường”. Việc xây dựng hệ thống BĐCL trong nhà trường góp phần đổi mới công tác quản lý, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường; coi trọng quản lý chất lượng đó cũng là một trong những giải pháp nhằm đổi mới giáo dục nghề nghiệp.

Bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp được hiểu là một cơ chế quản lý, giám sát nhằm duy trì các chuẩn mực và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trong nhà trường là quản lý toàn bộ quá trình đào tạo để BĐCL các cấp từ đầu vào, quá trình đào tạo và đầu ra với các yêu cầu: Thực hiện trước, trong và sau quá trình đào tạo, phát hiện, phòng ngừa những yếu tố làm giảm chất lượng đào tạo; xác định theo các chuẩn mực và có quy trình, cơ chế bảo đảm chất lượng đầu ra (chất lượng học sinh tốt nghiệp), trách nhiệm của mọi người tham gia quá trình đào tạo (CBQL, giáo viên, nhân viên).

Trong những năm qua, công tác BĐCL trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, chưa xác định được trách nhiệm của nhà trường và vai trò của hệ thống BĐCL có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đào tạo. Kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề trong thời gian qua cho thấy nhà trường mới tuân thủ cơ bản các quy định của nhà nước, nhà trường hoạt động kiểm định chất lượng là chủ yếu dựa vào các tiêu chí, tiêu chuẩn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để thực hiện BĐCL bên trong của trường và cuối cùng mời Đoàn đánh giá từ bên ngoài để công nhận trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Đây là hạn chế không những của nhà trường mà là của hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Nhìn thấy được sự hạn chế, tồn tại và nguyên nhân, năm 2017 Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã ban hành Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức các lớp tập huấn về xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng trên toàn quốc.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường, phấn đấu đạt tiêu chuẩn trường chất lượng cao đến năm 2020, nhà trường cần phải đẩy mạnh công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

Nhà trường luôn xác định rằng: “Chất lượng là hành trình không có điểm kết thúc”, để đạt được yêu cầu chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Hiệu trưởng và toàn bộ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động cam kết xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b₁) Các căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 452/TCGDNN-KĐCL, Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp; trường trung cấp, cao đẳng;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang lập Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b₂) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý (CBQL), nhà giáo, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên (HSSV) về tầm quan trọng của công tác bảo đảm chất lượng của nhà trường;

- Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giữ vững thương hiệu và uy tín của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

- Tiếp cận trình độ giáo dục nghề nghiệp các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

b₃) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn;

- Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và lấy người học làm trung tâm;

- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học;

- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý;

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b₄) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Bước 1. Công tác chuẩn bị

1. Hoàn thiện tổ chức và nhân sự bảo đảm chất lượng:

a) Hiệu trưởng quyết định thành lập đơn vị;

b) Giao nhiệm vụ đơn vị phụ trách bảo đảm chất lượng:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị nhà trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng. Kế hoạch trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đề xuất các biện pháp thực hiện xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng đúng tiến độ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng;

- Báo cáo kết quả xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của nhà trường.

3. Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng.

4. Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên.

Bước 2. Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng

1. Xây dựng chính sách chất lượng:

a) Phòng BDCL-KT chủ trì tổ chức xây dựng chính sách chất lượng của trường trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Chính sách chất lượng phù hợp với chính sách phát triển chung của trường trong từng giai đoạn cụ thể và các quy định liên quan khác; cụ thể hóa chủ trương và định hướng chung của trường trong việc thực hiện bảo đảm chất lượng đào tạo; trình bày cô đọng, rõ ràng, dễ hiểu;

c) Chính sách chất lượng được lấy ý kiến đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, đại diện các tổ chức đoàn thể, người học và các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc;

d) Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của trường và sự thay đổi của các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan.

2. Xây dựng mục tiêu chất lượng:

a) Phòng BDCL-KT chủ trì tổ chức xây dựng mục tiêu chất lượng của trường trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Mục tiêu chất lượng phù hợp với chính sách chất lượng của trường; được xác định theo thứ tự ưu tiên nhằm cụ thể hóa chính sách chất lượng theo từng giai đoạn cụ thể;

c) Mục tiêu chất lượng được ý kiến đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, đại diện các tổ chức đoàn thể, người học và các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc;

d) Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và sự thay đổi của các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan.

3. Xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng:

a) Phòng BDCL-KT xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Sổ tay bảo đảm chất lượng phản ánh trung thực, chính xác các quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng của nhà trường.

c) Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và sự thay đổi định hướng chiến lược hay quy định khác có liên quan.

4. Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng:

a) Phòng BDCL-KT chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng theo cách thức sau:

- Xác định lĩnh vực quản lý chất lượng trên cơ sở các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành. Tùy theo điều kiện, đặc thù của nhà trường có thể xác định các lĩnh vực quản lý chất lượng khác nếu cần thiết;

- Căn cứ các lĩnh vực quản lý chất lượng đã được xác định, nghiên cứu, xây dựng các nội dung cụ thể của từng lĩnh vực quản lý chất lượng.

b) Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cho từng nội dung cụ thể của các lĩnh vực quản lý chất lượng trình người đứng đầu cơ sở cơ sở giáo dục nghề nghiệp phê duyệt. Các hoạt động bắt buộc phải xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng, bao gồm: Xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học: tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

Bước 3. Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Hiệu trưởng phê duyệt các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng trước khi vận hành hệ thống trong nhà trường.

2. Hệ thống bảo đảm chất lượng được công bố công khai để toàn thể cán bộ, nhà giáo, nhân viên và các đối tượng khác có liên quan biết và triển khai thực hiện.

c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng và ban hành theo Quyết định số 578 ngày 26/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

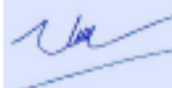
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang phấn đấu trở thành trường chất lượng cao theo Quyết định 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ, từng bước nâng cao vị thế và uy tín của nhà trường trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp trên toàn quốc, việc bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm cao nhất mà toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động phải thực hiện.

Để đạt được yêu cầu chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Hiệu trưởng và toàn bộ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động cam kết xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với những nội dung như sau:

1. Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học.
2. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động nhiệt tình, tận tâm, đủ năng lực và phẩm chất thực hiện tốt công tác chuyên môn; không ngừng học tập nâng cao trình độ.
3. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến; tham khảo các chương trình, tài liệu của nước ngoài.
4. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo tiên tiến đủ về số lượng và chất lượng. Tổ chức quản lý phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.
5. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo, các điều kiện bảo đảm chất lượng dạy và học; được tôn trọng và đối xử bình đẳng; có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ, dịch vụ ăn uống đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Tổ chức các ngày hội việc làm để người học tiếp xúc với nhà tuyển dụng, tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp./.

Khánh hòa, ngày 26 tháng 4 năm 2018


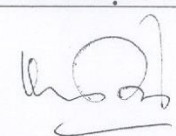
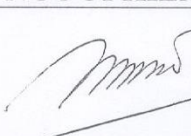
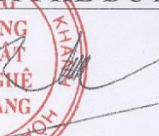
HIỆU TRƯỞNG


Người lập Trần Văn Hải
Email: trvanh@kctnkh.edu.vn
Cơ quan Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật
Công Nghệ Nha Trang, Tỉnh Khánh
Hòa
Chức vụ Hiệu Trưởng
Số điện thoại: 23.832.2331 (17/06/16)
43104

ThS. Trần Văn Hải

d) Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Nhà trường đã xây dựng mục tiêu chất lượng và ban hành theo Quyết định số 273/QĐ-CDKTCN ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA		Mã hoá: MTCL/2018-2019
	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG		Lần ban hành: 01
			Hiệu lực từ ngày: 01/10/2018
			Trang/tổng số trang: 1/1
MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG NĂM HỌC 2018-2019 (Kèm theo Quyết định số 273/QĐ-CDKTCN ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng)			
<p>Năm học 2018 - 2019, toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động phát huy tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu chất lượng như sau:</p>			
<p>1. 100% nhà giáo khi lên lớp có giáo trình, giáo án đúng theo quy định; 100% các bộ môn có bài giảng điện tử; 100% giáo viên tham gia dự giờ, hội giảng các cấp.</p>			
<p>2. 100% đạt chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trong đó có 75% nhà giáo đạt chuẩn theo quy định của trường chất lượng cao.</p>			
<p>3. 100% giáo trình được tổ chức biên soạn, lựa chọn để phục vụ giảng dạy, nghiên cứu. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến.</p>			
<p>4. Tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo tiên tiến đủ về số lượng và chất lượng. Tổ chức quản lý phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.</p>			
<p>5. Phấn đấu 97% HSSV cuối khóa đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp và từ 95% HSSV trở lên tốt nghiệp ra trường. Phấn đấu từ 65% HSSV tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc trở lên và 96% HSSV có điểm rèn luyện từ trung bình trở lên trong đó có 77% có điểm rèn luyện từ khá trở lên. Phấn đấu xây dựng 11 tập thể lớp tiên tiến.</p>			
<p>6. Tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng trong nhà trường.</p>			
<p>7. Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng 07 chương trình đào tạo các nghề trọng điểm./.</p>			
	NGƯỜI SOẠN THẢO	NGƯỜI KIỂM TRA	NGƯỜI PHÊ DUYỆT
Chữ ký			
Họ và tên	Nguyễn Văn Thoại	Nguyễn Mạnh Hùng	Trần Văn Hải
Chức danh	PTP. BĐCL-KT	PHÓ HIỆU TRƯỞNG	HIỆU TRƯỞNG

e) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

CÁC NỘI DUNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Cũng như năm 2018, trong năm 2019 nhà trường quan tâm đến 5 nội dung bảo đảm chất lượng sau:

1. Bảo đảm chất lượng hoạt động dạy và học.
2. Bảo đảm chất lượng chương trình, giáo trình đào tạo.
3. Bảo đảm chất lượng cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động
4. Bảo đảm chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo; thư viện.
5. Bảo đảm chất lượng công tác HSSV, dịch vụ người học.

QUY TRÌNH, CÔNG CỤ VÀ CÁC BIỂU MẪU

Trong năm 2018, nhà trường đã xây dựng được 58 quy trình, trong đó có 25 quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng theo TT 28/2017/BLĐTHXH và 33 quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cho 5 hoạt động: Dạy và học; Chương trình, giáo trình đào tạo; Cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động; Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, thư viện và Công tác HSSV, dịch vụ người học, cụ thể:

Danh mục các quy trình/ công cụ bảo đảm chất lượng đang áp dụng được liệt kê theo bảng sau:

TT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HÓA
1	Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo	QT.01
2	Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình đào tạo	QT.02
3	Quy trình tuyển sinh	QT.03
4	Quy trình xét điều kiện dự thi và thi kết thúc môn học/mô đun	QT.04
5	Quy trình xét điều kiện dự thi tốt nghiệp	QT.06
6	Quy trình thi và xét điều kiện tốt nghiệp	QT.07
7	Quy trình đánh giá kết quả học tập	QT.09
8	Quy trình cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học	QT.10
9	Quy trình quản lý điề	QT.11
10	Quy trình liên kết đào tạo	QT.12
11	Quy trình bảo lưu kết quả học tập	QT.13
12	Quy trình mở mã nghề đào tạo	QT.14
13	Quy trình tổ chức học lại, thi lại	QT.15
14	Quy trình xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo/TKB	QT.16
15	Quy trình tuyển dụng	QT.17
16	Quy trình quy hoạch	QT.18
17	Quy trình bổ nhiệm CBQL	QT.19
18	Quy trình đào tạo, bồi dưỡng CBQL, nhà giáo, NV và người lao động	QT.20
19	Quy trình đánh giá, phân loại CBQL, nhà giáo, NV và người lao động	QT.21
20	Quy trình quản lý hồ sơ CBVC	QT.22
21	Quy trình khen thưởng CBVC	QT.23

TT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HÓA
22	Quy trình kỷ luật CBVC	QT.24
23	Quy trình xét nâng lương	QT.25
24	Quy trình tổ chức nhà giáo học tập tại doanh nghiệp	QT.26
25	Quy trình quản lý, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo	QT.27
26	Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị	QT.28
27	Quy trình cấp phát vật tư phục vụ đào tạo	QT.29
28	Quy trình quản lý xưởng, phòng học	QT.30
29	Quy trình sửa chữa máy móc, thiết bị	QT.31
30	Quy trình mua sắm tài sản	QT.32
31	Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện	QT.33
32	Quy trình nhập học	QT.34
33	Quy trình xét học bổng HSSV	QT.35
34	Quy trình quản lý HSSV ký túc xá	QT.36
35	Quy trình khen thưởng HSSV	QT.37
36	Quy trình kỷ luật HSSV	QT.38
37	Quy trình quản lý hồ sơ HSSV	QT.39
38	Quy trình khảo sát học sinh sau tốt nghiệp	QT.40
39	Quy trình khảo sát doanh nghiệp	QT.41
40	Quy trình dự giờ	QT.42
41	Quy trình biên soạn, bổ sung, điều chỉnh ngân hàng câu hỏi/đề thi	QT.43
42	Quy trình tổ chức HSSV thực tập tại doanh nghiệp	QT.44
43	Quy trình đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, SKCT	QT.45
44	Quy trình nghiệm thu đề tài NCKH, SKCT	QT.46
45	Quy trình tự đánh giá chất lượng CSGDNN	QT.47
46	Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	QT.48
47	Quy trình mượn, trả tài liệu thư viện	QT.50
48	Quy trình xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng	QT.51
49	Quy trình kiểm kê tài sản	QT.52
50	Quy trình thanh lý tài sản	QT.53
51	Quy trình thu học phí	QT.54
52	Quy trình tạm ứng	QT.55
53	Quy trình thanh toán tạm ứng	QT.56
54	Quy trình thanh toán hợp đồng giảng dạy	QT.57
55	Quy trình thanh toán lương	QT.58
56	Quy trình thanh toán đề tài sáng kiến	QT.59
57	Quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ lái xe mô tô hạng A1	QT.63
58	Quy trình quản lý hoạt động bếp ăn ký túc xá, căn tin	QT.64

Trong năm 2019, nhà trường tập trung vào việc vận hành hệ thống các quy trình trên, qua đó chỉnh sửa chưa xây dựng thêm quy trình khác.

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng gồm cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng và hạ tầng thông tin, thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Cơ sở dữ liệu mở, có khả năng mở rộng, cập nhật khi cần thiết;
- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng;
- Ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kết nối với hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp;
- Phân quyền truy cập hệ thống theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra quyết định quản lý, điều hành các hoạt động bảo đảm chất lượng.

Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng được định kỳ rà soát, nâng cấp, xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

Phòng BĐCL-KT là đơn vị chủ trì phối hợp với tổ Quản trị mạng xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

Giới thiệu tóm lược về Tổ Quản trị mạng và thực trạng hạ tầng thông tin của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

+Tổ quản trị mạng:

T T	HỌ VÀ TÊN, ĐIỆN THOẠI, EMAIL	NHIỆM VỤ
1	Bùi Quang Khải ĐT: 0919540747 bqkhai.it@gmail.com	Quản lý, phân công nhiệm vụ, điều phối các thành viên trong tổ thực hiện nhiệm vụ đúng qui chế làm việc; - Quản trị hệ thống mạng đường trục: các máy chủ, router, switch tổng, modem, cáp quang; quản trị CSDL; - Xây dựng các giải pháp, chính sách quản trị mạng (qui hoạch IP, Firewall, quản lý băng thông...); - Tiếp nhận, triển khai, quản trị, khai thác các phần mềm, các dự án ứng dụng CNTT trong trường; - Xây dựng và giám sát thực hiện <i>Qui chế sử dụng mạng máy tính; qui chế sử dụng phần mềm, ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý nhà trường</i> ; - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Công tác các dự án phân công.
2	Trần Châu Vân ĐT: 0373509585 trachava@gmail.com	Quản trị Website của trường; Hỗ trợ kỹ thuật phần mềm Quản lý văn bản; - Hỗ trợ kỹ thuật Phần mềm Quản lý đào tạo; - Hỗ trợ kỹ thuật người dùng; - Hỗ trợ, triển khai các phần mềm, các dự án ứng dụng CNTT trong trường; - Thực hiện các nhiệm vụ khác do tổ trưởng phân công.
3	Đặng Quang Hào ĐT: 0792091602 dqh198@gmail.com	- Hỗ trợ kỹ thuật: Cổng thông tin tuyển sinh; - Hỗ trợ kỹ thuật và đảm bảo chất lượng mạng (có dây và không dây) cho người dùng;

	<ul style="list-style-type: none"> + Quản lý thiết bị mạng tại các đơn vị, các điểm trung chuyên; + Giám sát tình trạng mạng và xử lý sự cố về mạng; + Hỗ trợ xác định lỗi phần cứng, tư vấn cho người dùng đề xuất Phòng quản trị thiết bị sửa chữa, thay thế; - Hỗ trợ, triển khai các phần mềm, các dự án ứng dụng CNTT trong trường; - Thực hiện các nhiệm vụ khác do tổ trưởng phân công.
--	---

+ Thiết bị mạng:

- Hệ thống máy chủ: 04 máy chủ;
- Đường cáp quang: 07 đường cáp quang;
- Edge Router: 02 cái;
- Draytek Vigor 3900: 02 cái;
- Draytek Vigor P2261: 01 cái;
- Mạng Wifi: Được kết nối đến toàn trường.

+ Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được công bố trên trang Web của nhà trường: [http:// www.cdktcnnt.edu.vn](http://www.cdktcnnt.edu.vn)

+ Các quy trình/công cụ/ biểu mẫu trên cổng thông tin giáo viên. CBQL, giáo viên, nhân viên và người lao động đều có thể truy cập và sử dụng.

2.2. Đánh giá, cải tiến

2.2.1. Đánh giá:

Căn cứ thông báo số 183/TB-CDKTCN ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về những tồn tại trong công tác bảo đảm chất lượng năm 2018, trong năm 2019 Nhà trường đã lập Kế hoạch số 274/KH-CDKTCN ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng về việc xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019. Sau một năm thực hiện, nay nhà trường tự đánh giá công tác bảo đảm chất lượng của trường như sau:

a) Chính sách chất lượng:

- Những chính sách chất lượng của nhà trường đề ra là phấn đấu đến năm 2020, Nhà trường trở thành một trong các trường chất lượng cao của cả nước. Các chính sách đã cụ thể hóa chủ trương và định hướng của trường trong việc thực hiện bảo đảm chất lượng trong công tác quản lý và đào tạo tại trường;

- Những chính sách chất lượng của nhà trường đã đề ra là phù hợp với những hoạt động thực tiễn của trường hiện nay, đã cụ thể hóa chủ trương và định hướng của trường trong việc thực hiện bảo đảm chất lượng trong công tác quản lý và đào tạo tại trường;

- Mọi chế độ chính sách đều được công khai và có quy định, quy trình xét và thực hiện một cách khách quan, công bằng;

- Hàng năm các tiêu chí về chất lượng được lấy ý kiến từ cán bộ, giáo viên trong trường nên công tác bảo đảm chất lượng nâng cao và phù hợp với nhiệm vụ, chức năng hoạt động của trường trong giai đoạn hiện nay.

b) Mục tiêu chất lượng năm 2019:

- Sự phù hợp mục tiêu chất lượng nhà trường: Với mục tiêu giữ và đạt chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề cấp độ 3 và phấn đấu đến năm 2020 đạt chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao nên trong năm 2019 nhà trường đã thực hiện một số công việc sau:

+ Xây dựng và ban hành mục tiêu chất lượng năm học 2018-2019 theo Quyết định số 273/QĐ-CĐKTCN ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

+ Căn cứ mục tiêu chất lượng năm học 2018-2019, phòng BDCL-KT đã cụ thể hóa các mục tiêu trên bằng cách xây dựng kế hoạch thực hiện 07 mục tiêu chất lượng cấp trường trong đó có phân công các đơn vị theo dõi thực hiện cụ thể như sau:

- Phòng BDCL-KT chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 01: 100% nhà giáo khi lên lớp có giáo trình, giáo án đúng theo quy định; 100% các bộ môn có bài giảng điện tử; 100% giáo viên tham gia dự giờ, hội giảng các cấp:

- Phòng Tổ chức – hành chính chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 02: 100% đạt chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trong đó có 75% nhà giáo đạt chuẩn theo quy định của trường chất lượng cao.

- Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 03: 100% giáo trình được tổ chức biên soạn, lựa chọn để phục vụ giảng dạy, nghiên cứu. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến.

- Phòng Quản trị – Thiết bị chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 04: Tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo tiên tiến đủ về số lượng và chất lượng. Tổ chức quản lý phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

- Phòng Công tác HSSV chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 05: Phấn đấu 97% HSSV cuối khóa đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp và từ 95% HSSV trở lên tốt nghiệp ra trường. Phấn đấu từ 65% HSSV tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc trở lên và 96% HSSV có điểm rèn luyện từ trung bình trở lên trong đó có 77% có điểm rèn luyện từ khá trở lên. Phấn đấu xây dựng 11 tập thể lớp tiên tiến.

- Phòng BDCL-KT chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 06: Tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng trong nhà trường.

- Phòng BDCL-KT chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường số 07: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng 07 chương trình đào tạo các nghề trọng điểm.

- Kết quả, nhờ có mục tiêu rõ ràng, cụ thể và có phân công trách nhiệm theo dõi đến từng đơn vị nên trong năm 2019 nhà trường đã đạt kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN như sau:

+ Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019 đạt 95/100 điểm. Đạt chuẩn chất lượng.

+ Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 07 nghề trọng điểm năm 2019 đạt tất cả đều đạt chuẩn chất lượng:

- | | |
|---|-----------------|
| • Nghề Nghề Công nghệ thông tin: | Đạt 94/100 điểm |
| • Nghề Cắt gọt kim loại: | Đạt 96/100 điểm |
| • Nghề Điện công nghiệp: | Đạt 94/100 điểm |
| • Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí: | Đạt 94/100 điểm |
| • Nghề Công nghệ ô tô: | Đạt 96/100 điểm |
| • Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn: | Đạt 94/100 điểm |
| • Nghề Quản trị khách sạn: | Đạt 94/100 điểm |

+ Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 08 nghề không trọng điểm năm 2019 tất cả đều đạt chuẩn chất lượng:

- | | |
|------------------------------|-----------------|
| • Nghề Điện tử công nghiệp: | Đạt 94/100 điểm |
| • Nghề Kỹ thuật xây dựng: | Đạt 94/100 điểm |
| • Nghề Hướng dẫn du lịch: | Đạt 92/100 điểm |
| • Nghề Chế biến thực phẩm: | Đạt 92/100 điểm |
| • Nghề Kế toán doanh nghiệp: | Đạt 94/100 điểm |
| • Nghề Quản trị nhà hàng: | Đạt 94/100 điểm |
| • Nghề Hướng dẫn du lịch: | Đạt 94/100 điểm |
| • Nghề Nghiệp vụ nhà hàng: | Đạt 94/100 điểm |

- Đặc biệt trong tháng năm 2019 trường được Tổng cục GDNN chọn làm 1 trong 8 trường thí điểm tự đánh giá theo hệ thống tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao. Kết quả Đoàn đánh giá ngoài đã đánh giá trực đạt 87/100 điểm đạt chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao.

c) Quy trình/Công cụ:

Hiện nay các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng thuộc chức năng của các đơn vị là phù hợp, rõ ràng, cụ thể và được sử dụng để tự đánh giá chất lượng giáo dục của các đơn vị. Nhìn chung các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cho các lĩnh vực quản lý chất lượng của trường rất thuận lợi, giảm được rất nhiều thời gian, tăng hiệu quả công việc và đáp ứng nhu cầu của người học. Trong quá trình áp dụng, trường đã tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đơn vị để điều chỉnh, bổ sung, cập nhật để phù hợp với thực tế phát triển của trường, cụ thể;

- Phòng Đào tạo đã chỉnh sửa và ban hành lần thứ 2 các Quy trình sau:
 - QT-06: Quy trình xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;
 - QT-07: Quy trình thi, xét điều kiện tốt nghiệp;
 - QT-11: Quy trình quản lý điểm;

- Phòng BĐCL-KT đã chỉnh sửa và ban hành lần thứ 2 Quy trình QT-43: Quy trình bổ sung, điều chỉnh ngân hàng câu hỏi/đề thi.

2.2.2. Một số tồn tại cần cải tiến:

Qua thời gian áp dụng hệ thống bảo đảm chất lượng mà nhà trường đã xây dựng vào việc vận hành tất cả các hoạt động của trường, kết quả đạt được có thể nói là rất tốt và hiệu quả, giúp trường đạt được các chuẩn chất lượng cơ sở GDNN; Chất lượng chương trình đào tạo; Trường cao đẳng chất lượng cao năm 2019, tuy nhiên với phương châm “*Chất lượng là hành trình không có điểm kết thúc*” trong năm 2020 cần cải tiến một số nội dung sau:

+ Xây dựng quy định hoặc bổ sung, điều chỉnh các quy trình QT-20 (quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động), quy trình QT-21 (quy trình đánh giá, phân loại CBQL, nhà giáo, NV và người lao động) sao cho đáp ứng về: trình độ ngoại ngữ, trình độ chuyên môn của nhà giáo theo các quy định hiện hành và nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý. Đặc biệt quan tâm đến các nhà đội ngũ nhà giáo giảng dạy các ngành nghề trọng điểm;

+ Xây dựng quy định hoặc bổ sung, điều chỉnh các quy trình QT-01 (quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo), quy trình QT-02 (quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình đào tạo), quy trình QT-10 (quy trình liên kết đào tạo) sao cho chương trình đào tạo bảo đảm tính liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân; có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định; 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định;

+ Xây dựng quy định hoặc quy trình sử dụng trang thiết bị an toàn lao động và bảo hộ lao động trong.

2.2.3. Đề xuất:

Tiếp tục tuyên truyền, quảng bá rộng rãi tầm quan trọng và lợi ích mà hoạt động BĐCL mang lại, qua đó CBVC sẽ có cách nhìn khách quan hơn, sẽ dành nhiều thời gian hơn cho hoạt động Bảo đảm chất lượng của trường.

Rà soát, cải tiến 58 quy trình đã ban hành theo hướng tinh gọn, ràng buộc logic lẫn nhau theo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược phát triển trường.

Hệ thống lại toàn bộ các mẫu phiếu khảo sát về việc lấy ý kiến các bên liên quan về các mặt hoạt động của trường nhằm tránh sự trùng lặp, trong đó khuyến khích các đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát và quản lý

Đào tạo nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp là xu hướng tất yếu trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, điều này đã được quy định cụ thể trong các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN và tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định trường cao đẳng chất lượng cao. Do đó trong thời gian tới hoạt động liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp sẽ được đẩy mạnh, vì vậy Nhà trường cần ban hành Quy định và một số quy trình về hoạt động quan hệ doanh nghiệp làm công cụ đánh giá kết quả thực hiện hoạt động này.

Xây dựng Hệ thống website và hộp thư điện tử của trường kết nối được với các đơn vị quản lý GDNN.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Các quy trình, công cụ, biểu mẫu cũng như các hướng dẫn cụ thể, đã giúp giải quyết công việc theo một trật tự, rút ngắn thời gian khi cần giải quyết một công việc, tạo thuận lợi cho các đơn vị trong công tác tự đánh giá bảo đảm chất lượng;

- Việc nhà trường, các đơn vị áp dụng các quy trình, công cụ để thực hiện công việc là rất phù hợp trong điều kiện hiện nay và đã giúp nhà trường nâng cao chất lượng cho việc dạy và học ;

- Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng được vận hành trên trang web, cổng thông tin nội bộ, các vấn đề chuyển tải đến CBGV được nhanh chóng, dễ dàng và kịp thời, hỗ trợ thực hiện các công tác được thuận lợi, giảm thiểu rất nhiều thời gian giúp công tác bảo đảm chất lượng được thực thi tốt và hiệu quả;

- Nhận thức của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường về tầm quan trọng của hệ thống BĐCL đã được nâng cao. Từ đó, từng bước hình thành văn hóa chất lượng trong nhà trường.

Nơi nhận(VBĐT):

- TCGDNN;
- Sở LĐTĐ tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, BĐCL-KT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Hải

	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG NĂM HỌC 2018 - 2019	Mã hóa: KH/MTCL-01/2018-2019
	ĐƠN VỊ THEO DÕI THỰC HIỆN: PHÒNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG – KHẢO THÍ	Lần ban hành: 01
		Hiệu lực từ ngày: 30/10/2018
		Trang/Tổng số trang: 1/3

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG CẤP TRƯỜNG SỐ 1

Nội dung mục tiêu 1: 100% nhà giáo khi lên lớp có giáo trình, giáo án đúng theo quy định; 100% các bộ môn có bài giảng điện tử; 100% giáo viên tham gia dự giờ, hội giảng các cấp.

Chữ viết tắt:

- P. BDCL-KT: Phòng Bảo đảm chất lượng-Khảo thí;
- BGH: Ban giám hiệu;
- GV: Giáo viên;
- QĐ-BLĐT BXH: Quyết định của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

1. Nội dung mục tiêu 1.1: 100% nhà giáo khi lên lớp phải có giáo trình, giáo án đúng theo quy định.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Lập kế hoạch giáo viên theo mẫu số 2 (khô A2) ban hành kèm theo Quyết định số 62/2008/QĐ-BLĐT BXH	Kỳ 1: 20/8/2018 Kỳ 2: 10/01/2019	Giáo viên	Khoa, bộ môn	Bản kế hoạch giáo viên
2.	- Soạn giáo án: + Môn học: Theo mẫu số 5 + Thực hành: Theo mẫu số 6 + Tích hợp: Theo mẫu số 7 (ban hành kèm theo Quyết định số 62/2008/QĐ-BLĐT BXH). - Soạn bài giảng theo giáo trình nhà trường biên soạn hoặc lựa chọn có quyết định phê duyệt.	Theo TKB	Giáo viên	Bộ môn	Giáo án, bài giảng
3.	- Danh sách lớp (lấy trên trang Web trường); - Lập sổ tay giáo viên theo mẫu số 4 Quyết định số 62/2008/QĐ-BLĐT BXH).	Trước ngày dạy tiết đầu tiên	Giáo viên		Sổ tay giáo viên
4.	Hồ sơ khi đứng lớp phải đầy đủ:	Từng tiết giảng	Giáo viên		Hồ sơ giảng dạy

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
	- Giáo án; - Sổ tay giáo viên; - Thời khóa biểu; - Kế hoạch giảng dạy; - Sổ lên lớp (mẫu số 3 theo Quyết định số 62/2008/QĐ-BLĐTĐBXH).				
5.	Kiểm tra hồ sơ giáo viên	Kỳ 1: 28/2/2019 Kỳ 2: 12/8/2019	Phòng đào tạo	Giáo viên, bộ môn, khoa	Kết quả kiểm tra
6.	Đánh giá mức độ hoàn thành hồ sơ lên lớp của giáo viên (%)	30/8/2019	Phòng Đào tạo	Giáo viên, bộ môn, khoa	Báo cáo kết quả

2. Nội dung mục tiêu 1.2: 100% các bộ môn có bài giảng điện tử.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Lập kế hoạch xây dựng bài giảng điện tử của môn học, mô đun	Kỳ 1: 20/8/2018 Kỳ 2: 10/01/2019	Giáo viên	Khoa, bộ môn	Kế hoạch của giáo viên, bộ môn, khoa duyệt.
2.	Xây dựng bài giảng điện tử cho từng chương/bài.	Trước tiết giảng 1 ngày	Giáo viên	Khoa, bộ môn	Bài giảng điện tử
3.	Sử dụng bài giảng điện tử để giảng dạy	Trong tiết giảng theo kế hoạch	Giáo viên		Bài giảng điện tử
4.	Kiểm tra bài giảng điện tử	Kỳ 1: 28/2/2019 Kỳ 2: 12/8/2019	Phòng đào tạo	Giáo viên, bộ môn, khoa	Kết quả kiểm tra
5.	Đánh giá mức độ bài giảng điện tử của giáo viên (%)	30/8/2019	Phòng Đào tạo	Giáo viên, bộ môn, khoa	Báo cáo kết quả

3. Nội dung mục tiêu 1.3: 100% giáo viên tham gia dự giờ, hội giảng các cấp.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Lập kế hoạch dự giờ thường xuyên, đột xuất trong năm học; phân công các thành phần dự giờ.	Tháng 9/2018	P. ĐCCL-KT	Hiệu trưởng	Kế hoạch dự giờ, hiệu trưởng phê duyệt.
2.	Xây dựng lịch dự giờ học kỳ 1	Sau kế hoạch 1 tuần	P. ĐCCL-KT		Lịch dự giờ học kỳ 1
3.	Xây dựng lịch dự giờ học kỳ 2	Tháng 3/2019	P. ĐCCL-KT		Lịch dự giờ học kỳ 2
4.	Thông báo lịch dự giờ	Sau khi xây dựng lịch dự giờ xong	P. ĐCCL-KT	Hiệu trưởng	Thông báo
5.	Thực hiện dự giờ thường xuyên	Theo lịch	Giáo viên	- Đại diện BGH; - Phòng Đào tạo; - P. ĐCCL-KT; - Trưởng/phó khoa; - Trưởng bộ môn; - Giáo viên trong khoa không có tiết giảng.	- Phiếu dự giờ; - Nhận xét, đánh giá kết quả.
6.	Thực hiện dự giờ đột xuất	- Không báo trước GV; - Lịch và giáo viên theo TKB.	Giáo viên	- Đại diện BGH; - Phòng Đào tạo; - P. ĐCCL-KT; - Trưởng/phó khoa; - Trưởng bộ môn;	- Phiếu dự giờ; - Nhận xét, đánh giá kết quả.
7.	Báo cáo kết quả dự giờ; rút kinh nghiệm sau tiết giảng	Sau tiết giảng theo lịch	- BGH; - Phòng Đào tạo; - P. ĐCCL-KT; - Trưởng/phó khoa; - Trưởng bộ môn; - Giáo viên được dự giờ.		- Kết quả đánh giá; - Khắc phục những thiếu sót trong tiết giảng.
8.	Lập kế hoạch hội giảng cấp đơn vị (khoa)	Tháng 11/2018	Các khoa	- Hiệu trưởng; - Phòng Đào tạo; - P. ĐCCL-KT	Hiệu trưởng phê duyệt.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
9.	Tổ chức hội giảng cấp đơn vị	Tháng 11, 12/2018	Các khoa	- Phòng Đào tạo; - P. BDCL-KT	- Báo cáo kết quả đạt được; - Lựa chọn DS giáo viên hội giảng cấp trường.
10.	Lập kế hoạch Hội thi nhà giáo GDNN	Tuần đầu tiên của tháng 3/2019	Phòng Đào tạo	Hiệu trưởng.	Hiệu trưởng phê duyệt.
11.	Thành lập Ban tổ chức, Ban giám khảo hội thi, Ban tư vấn chuyên môn.	Tuần đầu tiên của tháng 3/2019	Phòng Đào tạo	Hiệu trưởng.	Hiệu trưởng phê duyệt.
12.	Bốc thăm, chuẩn bị bài giảng	Tuần thứ 2 của tháng 3/2019	- Ban tổ chức; - Giáo viên dự thi		- Kết quả bốc thăm chọn bài giảng; - Hồ sơ bài giảng.
13.	Khai mạc kỳ thi. Bắt đầu hội thi	Tuần thứ 3 của tháng 3/2019	- Ban tổ chức; - Ban giám khảo; - Ban tư vấn; - Giáo viên dự thi.	Giáo viên không có tiết giảng, tham gia dự giờ.	- Phiếu chấm giảng; - Tổng hợp kết quả.
14.	Rút kinh nghiệm. Tổng kết Hội thi. Trao giải thưởng.	Tuần thứ 4 của tháng 3/2019	- Ban tổ chức; - Ban giám khảo; - Ban tư vấn; - Giáo viên dự thi.		- Báo cáo kết quả hội thi; - DS giáo viên, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuẩn bị hội thi cấp tỉnh năm học tới.

	NGƯỜI SOẠN THẢO	NGƯỜI KIỂM TRA/THEO DÕI THỰC HIỆN	NGƯỜI PHÊ DUYỆT
Chữ ký			

Họ và tên	Nguyễn Văn Thoại	Nguyễn Kim Khánh	Trần Văn Hải
Chức danh	PTP. BDCL-KT	PTP. BDCL-KT	HIỆU TRƯỞNG

	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG NĂM HỌC 2018 - 2019 ĐƠN VỊ THEO DÕI THỰC HIỆN: PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH	Mã hóa: KH/MTCL_02/2018-2019
		Lần ban hành: 01
		Hiệu lực từ ngày: 30/10/2018
		Trang/Tổng số trang: 1/2

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG CẤP TRƯỜNG SỐ 2

Nội dung mục tiêu 2: 100% đạt chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trong đó có 75% nhà giáo đạt chuẩn theo quy định của trường chất lượng cao.

Chữ viết tắt:

- P. TC-HC: Phòng Tổ chức – Hành chính;
- TT – BĐTBXH: Thông tư – Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Kế hoạch rà soát nhà giáo trong toàn trường chưa đạt chuẩn theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH; nhà giáo chưa đạt chuẩn theo quy định trường chất lượng cao.	Tháng 9/2018	Phòng TC – HC	Hiệu trưởng	Bản kế hoạch
2.	Danh sách nhà giáo chưa đạt chuẩn theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH; nhà giáo chưa đạt chuẩn theo quy định trường chất lượng cao.	Tháng 10/2018	Phòng TC – HC	Các khoa	Bản danh sách

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
3.	Xây dựng kế hoạch tổ chức nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng.	Sau khi có danh sách nhà giáo	Phòng TC – HC	Hiệu trưởng	Bản kế hoạch
4.	Ra quyết định cử nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng.	Căn cứ vào kế hoạch	Phòng TC – HC	- Hiệu trưởng; - Nhà giáo	Các Quyết định
5.	Báo cáo kết quả học tập	Kết thúc các khóa học	Nhà giáo	Phòng TC – HC	Các bản báo cáo
6.	Tổng kết, đánh giá (%) kết quả học tập của nhà giáo: - Theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH; - Nhà giáo theo quy định trường chất lượng cao	Tháng 8/2019	Phòng TC – HC	Các đơn vị cử nhà giáo đi học	Bản báo cáo tổng kết.

	NGƯỜI SOẠN THẢO	NGƯỜI KIỂM TRA/THEO DÕI THỰC HIỆN	NGƯỜI PHÊ DUYỆT
Chữ ký			
Họ và tên	Nguyễn Văn Thoại	Trần Văn Chiến	Trần Văn Hải
Chức danh	PTP. BĐCL-KT	TP. TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH	HIỆU TRƯỞNG

	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG NĂM HỌC 2018 - 2019	Mã hóa: KH/MTCL_03/2018-2019
		Lần ban hành: 01
		Hiệu lực từ ngày: 30/10/2018
		Trang/Tổng số trang: 1/3
ĐƠN VỊ THEO DÕI THỰC HIỆN: PHÒNG ĐÀO TẠO		

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG CẤP TRƯỜNG SỐ 03

Nội dung mục tiêu 3: 100% giáo trình được tổ chức biên soạn, lựa chọn để phục vụ giảng dạy, nghiên cứu. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến.

Chữ viết tắt:

- P. BĐCL-KT: Phòng Bảo đảm chất lượng-Khảo thí;
- BGH: Ban giám hiệu;
- GV: Giáo viên;
- QĐ-BLĐTBXH: Quyết định của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- MĐ/MH: Môn học/ môn học.

1. Mục tiêu 3.1: 100% giáo trình được tổ chức biên soạn, lựa chọn để phục vụ giảng dạy, nghiên cứu.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Xác định danh mục các MĐ/MH cần biên soạn, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh GT; phân công giáo viên hoặc tổ/nhóm tham gia biên soạn, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh.	Tháng 9/2018	Trưởng khoa	Phòng Đào tạo	Danh mục các MĐ/MH cần biên soạn, lựa chọn.
2.	Tổng hợp và trình Hiệu trưởng phê duyệt danh mục giáo trình MĐ/MH biên soạn, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh.	Tháng 10/2018	Phòng Đào tạo		Danh sách

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
3.	Xây dựng kế hoạch tổ chức biên soạn, lựa chọn giáo trình.	Sau khi được phê duyệt danh mục			
4.	Đề xuất thành lập các tổ biên soạn	Theo kế hoạch	Bộ môn, khoa	Phòng Đào tạo	Danh sách các tổ biên soạn
5.	- Tiến hành biên soạn; - Kiểm tra, giám sát.	Theo kế hoạch	- Tổ biên soạn; - Phòng Đào tạo		Đề cương, cấu trúc giáo trình MĐ/MH theo quy định.
6.	Hội thảo, lấy ý kiến, chỉnh sửa, hoàn thiện giáo trình MĐ/MH.	Theo kế hoạch	Tổ biên soạn	- BGH; - Khoa; - Phòng Đào tạo; - Phòng BĐCL-KT	Giáo trình MĐ/MH được chỉnh sửa.
7.	Tổ chức thẩm định giáo trình	Theo kế hoạch	- Hội đồng thẩm định; - Tổ biên soạn; - Doanh nghiệp, chuyên gia		Giáo trình MĐ/MH hoàn thiện
8.	Ban hành, triển khai ứng dụng	Theo kế hoạch	BGH	Các khoa, bộ môn.	Quyết định
9.	Báo cáo đánh giá kết quả (%) giáo trình MĐ/MH sử dụng trong giảng dạy.	Tháng 8/2019	Phòng Đào tạo	Các khoa	Báo cáo đánh giá về việc thực hiện mục tiêu

2. Mục tiêu 3.2: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến	Tháng 8/2018	Phòng Đào tạo	Khoa, bộ môn	Kế hoạch
2.	Liệt kê các chương trình điều chỉnh, bổ sung có cập nhật những thành tựu	Tháng 9/2018	Phòng Đào tạo		Bản danh sách các chương trình điều chỉnh, bổ sung.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
	khoa học công nghệ tiên tiến, trình Hiệu trưởng phê duyệt.				
3.	Đề xuất quyết định thành lập tổ điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến	Theo kế hoạch	Phòng Đào tạo	Hiệu trưởng	Quyết định
4.	Tiến hành điều chỉnh, bổ sung.	Theo kế hoạch	Các bộ môn		
5.	Hội thảo, lấy ý kiến, hoàn thiện.	Tháng 12/2018	- BGH; - Tổ điều chỉnh, bổ sung; - Phòng Đào tạo.	Phòng BDCL-KT	Kế hoạch hội thảo
6.	Đề xuất quyết định ban hành chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến sau khi điều chỉnh, bổ sung.	Sau khi hoàn thiện	Phòng Đào tạo	Hiệu trưởng	Quyết định
7.	Báo cáo đánh giá các chương trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến .	Tháng 3/2019	Phòng Đào tạo		Bản báo cáo

	NGƯỜI SOẠN THẢO	NGƯỜI KIỂM TRA/THEO DÕI THỰC HIỆN	NGƯỜI PHÊ DUYỆT
Chữ ký			
Họ và tên	Nguyễn Văn Thoại	Phan Văn Lại	Trần Văn Hải
Chức danh	PTP. BDCL-KT	TP. ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG

	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG NĂM HỌC 2018 - 2019	Mã hóa: KH/MTCL-04/2018-2019
		Lần ban hành: 01
		Hiệu lực từ ngày: 30/10/2018
		Trang/Tổng số trang: 1/3
ĐƠN VỊ THEO DÕI THỰC HIỆN: PHÒNG QUẢN TRỊ – THIẾT BỊ		

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG CẤP TRƯỜNG SỐ 04

Nội dung mục tiêu 4: Tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo tiên tiến đủ về số lượng và chất lượng. Tổ chức quản lý phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

Chữ viết tắt:

- P.QT – TB : Phòng Quản trị - Thiết bị;
- TT DV – SX : Trung tâm Dịch vụ - Sản xuất;
- CB thư viện : Cán bộ thư viện;
- P. KH – TC : Phòng Kế hoạch – Tài chính.

1. Mục tiêu 4.1: Tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo tiên tiến đủ về số lượng và chất lượng

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, lập kế hoạch rà soát các thiết bị đào tạo hiện có ở các đơn vị	Trước khi năm học mới bắt đầu hoặc đột xuất	Bộ môn.	- Khoa; - P. QT - TB.	Kế hoạch
2.	Căn cứ vào kế hoạch rà soát. Từ đó đề xuất thay thế các thiết bị hư hỏng, bổ sung các thiết bị đào tạo tiên tiến	Trước khi năm học mới bắt đầu hoặc đột xuất	- Khoa; - Bộ môn.	- Dự án - P. QT - TB	Đề xuất
3.	Lập kế hoạch kiểm tra, thanh lý các thiết bị đã bị hư hỏng	Trước khi năm học mới bắt đầu hoặc đột xuất	- P. KH – TC. - P. QT – TB;	- Khoa; - Bộ môn.	Kế hoạch

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
4.	Lập kế hoạch mua bổ sung các thiết bị đào tạo tiên tiến các đơn vị đã đề xuất	Trước khi năm học mới bắt đầu hoặc đột xuất	- P. Dự án - P. QT – TB;	- Khoa; - Bộ môn. - P. KH - TC	Kế hoạch
5.	Tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch đã được phê duyệt	Theo kế hoạch	-P. Dự án - P. QT – TB;	- P. KH – TC - Các đơn vị	Danh sách các thiết bị đào tạo cần mua
6.	Tiếp nhận các thiết bị đào tạo tiên tiến	Theo kế hoạch	- P. Dự án - P. QT – TB; - P. KH – TC.	- Khoa; - Bộ môn.	Thiết bị đào tạo tiên tiến

2. Mục tiêu 4.2: Tổ chức quản lý phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Xác định nhu cầu sử dụng phòng học lý thuyết, xưởng thực hành	Trước khi năm học mới bắt đầu	- P. Đào tạo - Bộ môn	- P. QT - TB - Khoa;	Phiếu đề xuất
2.	Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, nhu cầu của các đơn vị. Lập kế hoạch phân bổ phòng học lý thuyết, xưởng thực hành	Trước khi năm học mới bắt đầu	- P. Đào tạo - Bộ môn	- Khoa; - P. QT - TB.	Kế hoạch phân bổ
3.	Tổ chức thực hiện khi kế hoạch đã được phê duyệt	Thời khóa biểu theo từng học kỳ	- P. Đào tạo - P. BĐCL - KT	- P. QT - TB - Khoa; - Bộ môn.	Các đơn vị sử dụng nhận phòng học, xưởng thực hành
4.	Lập kế hoạch cách thức tổ chức, phân công nhân sự quản lý phòng học lý thuyết, xưởng thực hành	Thời khóa biểu theo từng học kỳ	- P. QT – TB - Bộ môn	- P. Đào tạo - Khoa;	Kế hoạch
5.	Báo cáo, đề xuất quá trình sử dụng phòng học lý thuyết, xưởng thực hành	Theo năm học hoặc theo học kỳ/đột xuất	- P. QT – TB - Bộ môn.	- P. BĐCL - KT - P. Đào tạo - Khoa	- Báo cáo; - Đề xuất.
6.	Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành theo định kỳ	Theo năm học hoặc theo học kỳ/đột xuất	- P. QT – TB - Bộ môn	- P. Đào tạo - P. BĐCL – KT - Khoa; Bộ môn	Kế hoạch

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
7.	Kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch đã được duyệt	Theo năm học hoặc theo học kỳ/đợt xuất	- P. BĐCL - KT - P. QT – TB - P. Đào tạo	- Khoa; - Bộ môn.	Biên bản
8.	Lập kế hoạch cách thức tổ chức quản lý thư viện	Theo năm học	CB thư viện	- P. QT – TB - P. BĐCL - KT	Kế hoạch
9.	Báo cáo, đề xuất quá trình sử dụng thư viện	Theo năm học hoặc đợt xuất	CB thư viện	- P. QT – TB - P. BĐCL - KT	- Báo cáo; - Đề xuất.
10.	Xác định nhu cầu sử dụng các phòng trong ký túc xá	Trước khi năm học mới bắt đầu	TT DV - SX	P. QT - TB	Phiếu đề xuất
11.	Căn cứ vào số lượng HSSV đăng ký ở ký túc xá. Lập kế hoạch phân bố phòng ở cho HSSV	Trước khi năm học mới bắt đầu	TT DV - SX	P. CT - HSSV	Kế hoạch phân bố
12.	Tổ chức thực hiện khi kế hoạch đã được phê duyệt	Bắt đầu vào năm học	TT DV - SX	P. CT - HSSV	Danh sách HSSV ở ký túc xá
13.	Lập kế hoạch cách thức tổ chức, phân công nhân sự quản lý ký túc xá	Trước khi năm học mới bắt đầu	TT DV - SX		Kế hoạch
14.	Báo cáo, đề xuất quá trình sử dụng các phòng ở của ký túc xá	Theo năm học hoặc theo học kỳ/đợt xuất	TT DV - SX	P. QT – TB	- Báo cáo; - Đề xuất.
15.	Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá các phòng ở của ký túc xá	Theo năm học hoặc đợt xuất	TT DV - SX	- P. QT – TB - P. CT - HSSV	Kế hoạch
16.	Kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch đã được duyệt	Theo năm học hoặc đợt xuất	TT DV - SX	- P. QT – TB - P. CT - HSSV	Biên bản

	NGƯỜI SOẠN THẢO	NGƯỜI KIỂM TRA/THEO DÕI THỰC HIỆN	NGƯỜI PHÊ DUYỆT
Chữ ký			

Họ và tên	Nguyễn Văn Thoại	Trương Văn Khánh	Trần Văn Hải
Chức danh	PTP. BDCL-KT	PTP. QUẢN TRỊ - THIẾT BỊ	HIỆU TRƯỞNG

	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG NĂM HỌC 2018 - 2019 ĐƠN VỊ KIỂM TRA, THEO DÕI THỰC HIỆN: PHÒNG CÔNG TÁC HỌC SINH – SINH VIÊN	Mã hóa: KH/MTCL-05/2018-2019
		Lần ban hành: 01
		Hiệu lực từ ngày: 30/10/2018
		Trang/Tổng số trang: 1/3

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG CẤP TRƯỜNG SỐ 05

Nội dung mục tiêu 5: Phân đầu 97% HSSV cuối khóa đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp và từ 95% HSSV trở lên tốt nghiệp ra trường. Phân đầu từ 65% HSSV tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc trở lên và 96% HSSV có điểm rèn luyện từ trung bình trở lên trong đó có 77% có điểm rèn luyện từ khá trở lên. Phân đầu xây dựng 11 tập thể lớp tiên tiến.

Chữ viết tắt:

- GVCN : Giáo viên chủ nhiệm;
- P. Đào tạo : Phòng Đào tạo;
- P. CT HSSV : Phòng Công tác học sinh – sinh viên;
- P. BDCL – KT : Phòng Bảo đảm chất lượng – Khảo thí;
- HSSV : Học sinh – sinh viên.

1. Mục tiêu 5.1: Phân đầu 97% HSSV cuối khóa đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp và từ 95% HSSV trở lên tốt nghiệp ra trường. Phân đầu từ 65% HSSV tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc trở lên. (*Phòng Đào tạo kiểm tra, theo dõi*)

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Đăng ký (%) HSSV đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp và (%) HSSV tốt nghiệp ra trường.	Tháng 9/2018	GVCN	- Khoa, bộ môn - P. Đào tạo	Bản đăng ký, danh sách các lớp đăng ký.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
2.	Rà soát điểm học tập của HSSV; những HSSV còn nợ môn.	Sơ kết học kỳ	GVCN	-Khoa, Bộ môn, giáo viên bộ môn - P. Đào tạo	Bản danh sách tổng hợp.
3.	Tổ chức bồi dưỡng cho HSSV còn nợ môn; thiếu cột điểm hoặc có điểm học tập thấp.	Đầu học kỳ	Giáo viên bộ môn	- Khoa, giáo viên bộ môn, GVCN	Danh sách lớp bồi dưỡng
4.	Tổ chức thi kết thúc môn lần 2 cho HSSV còn nợ môn; thiếu cột điểm hoặc có điểm học tập thấp.	Đầu học kỳ	Giáo viên bộ môn, khoa	Phòng Đào tạo	Kết quả thi lần 2
5.	Rà soát, đánh giá (%) điều kiện dự thi tốt nghiệp của HSSV.	Tháng 5/2019, năm học cuối	GVCN	- Khoa, bộ môn - P. Đào tạo	Bản tổng hợp đánh giá
6.	Lập kế hoạch tổ chức, phân công giáo viên ôn thi tốt nghiệp cho HSSV năm cuối.	Tháng 5/2019 sau khi kết thúc đợt thực tập tốt nghiệp	Bộ môn	- P. Đào tạo - Khoa	Kế hoạch
7.	Lập danh sách HSSV đủ điều kiện thi tốt nghiệp	Trước ngày họp xét đủ điều kiện thi tốt nghiệp của Khoa trước 2 ngày	Bộ môn GVCN	- P. Đào tạo - Khoa	Danh sách
8.	Xét đủ điều kiện thi tốt nghiệp	Trước ngày họp xét đủ điều kiện thi tốt nghiệp của trường trước 3 ngày	Hội đồng thi tốt nghiệp	GVCN	Danh sách HSSV đủ điều kiện
9.	Tổ chức thi tốt nghiệp	Tháng 6/2019	Hội đồng thi tốt nghiệp	- P. Đào tạo - Khoa	Danh sách HSSV tốt nghiệp
10.	Tổng kết, đánh giá (%) HSSV tốt nghiệp ra trường. Tổ chức rút kinh nghiệm đăng ký chỉ tiêu phần đầu cho khóa tiếp theo.	Tháng 8/2019	Phòng Đào tạo	Khoa, bộ môn, phòng TC-HC	Danh sách đánh giá (%) HSSV đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp và tốt nghiệp ra trường; biên bản.

2. Mục tiêu 5.2: Phân đầu 96% HSSV có điểm rèn luyện từ trung bình trở lên trong đó có 77% có điểm rèn luyện từ khá trở lên. Phân đầu xây dựng 11 tập thể lớp tiên tiến. (*Phòng Công tác HSSV kiểm tra , theo dõi*)

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Đăng ký (%) điểm rèn luyện từ khá trở lên và tập thể lớp tiên tiến.	Tháng 9/2018	GVCN	-Khoa, bộ môn - P. Đào tạo - P. CTHSSV	Bản đăng ký, danh sách các lớp đăng ký.
2.	Rà soát điểm rèn luyện của HSSV	Từng học kỳ của mỗi năm học	GVCN	-Giáo viên bộ môn -P. Đào tạo - P. CTHSSV	DS. Kết quả điểm rèn luyện
3.	Bồi dưỡng, giáo dục cho HSSV có điểm rèn luyện thấp.	Từng học kỳ, năm học	GVCN	-Khoa, bộ môn - P. CTHSSV	Những nội dung bồi dưỡng, giáo dục cho HSSV
4.	Tổng kết, đánh giá (%) kết quả học tập, rèn luyện, các điều kiện của lớp tiên tiến theo từng học kỳ, năm học và tổ chức rút kinh nghiệm cho học kỳ tiếp theo.	Từng học kỳ, năm học	GVCN	-Khoa, bộ môn -P. Đào tạo - P. CTHSSV	Bản báo cáo đánh giá (%) kết quả học tập, rèn luyện của HSSV
5.	Tổng kết, đánh giá (%) kết quả học tập, rèn luyện, số lớp tiên tiến.	Tháng 8/2019	Phòng Đào tạo	-Khoa, bộ môn - Phòng Công tác HSSV	Bản báo cáo đánh giá
6.	Tổ chức rút kinh nghiệm. Đăng ký chỉ tiêu phân đầu cho năm học sau.	Tháng 9/2019	Phòng Đào tạo	- Khoa, bộ môn - P. TC-HC - P. CTHSSV	Biên bản.

Chữ ký	Người soạn thảo	Người kiểm tra/Theo dõi thực hiện	Người phê duyệt

Họ và tên	Nguyễn Văn Thoại	Văn Đình Thanh	Trần Văn Hải
Chức danh	PTP. BĐCL-KT	TP. CÔNG TÁC HSSV	HIỆU TRƯỞNG

	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG NĂM HỌC 2018 - 2019 ĐƠN VỊ THEO DÕI THỰC HIỆN: PHÒNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG – KHẢO THÍ	Mã hóa: KH/MTCL-01/2018-2019
		Lần ban hành: 01
		Hiệu lực từ ngày: 30/10/2018
		Trang/Tổng số trang: 1/3

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG CẤP TRƯỜNG SỐ 06

Nội dung mục tiêu 6: Tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng trong nhà trường.

Chữ viết tắt:

- P. Đào tạo : Phòng Đào tạo;
- P. BĐCL – KT : Phòng Bảo đảm chất lượng – Khảo thí;

1. Mục tiêu 6.1: Xây dựng, vận hành mục tiêu chất lượng cấp trường, cấp đơn vị

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Lập kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng trong nhà trường.	Tháng 3/2019	P. BĐCL-KT		Kế hoạch
2.	Phê duyệt kế hoạch.	Tháng 3/2019	Hiệu trưởng		Bản kế hoạch đã phê duyệt
3.	Xây dựng mục tiêu chất lượng năm học cấp trường.	Tháng 11/2018, sau Hội nghị viên chức	Phòng BĐCL-KT	Phòng TC-HC	Nội dung mục tiêu chất lượng năm học cấp trường.
4.	Lấy ý kiến góp ý	Tháng 01/2019	Phòng BĐCL-KT	Toàn trường	Bản góp ý
5.	Chỉnh sửa hoàn thiện. Quyết định ban hành mục tiêu chất lượng	Tháng 3/ 2019	Hiệu trưởng	P. BĐCL-KT	Quyết định

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
6.	Xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu. Phê duyệt	Sau khi có quyết định ban hành mục tiêu chất lượng	P. BDCL-KT	Hiệu trưởng	Bản kế hoạch thực hiện mục tiêu chi tiết
7.	Triển khai thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường.	Sau khi mục tiêu được phê duyệt	Trưởng các đơn vị được phân công theo chức năng	Phó Hiệu trưởng được phân công phụ trách	Bản kế hoạch thực hiện mục tiêu của từng đơn vị được phân công.
8.	Xây dựng mục tiêu chất lượng năm học cấp đơn vị.	Sau khi có quyết định và kế hoạch thực hiện mục tiêu cấp trường.	Các khoa		Nội dung mục tiêu chất lượng năm học của khoa.
9.	Phê duyệt mục tiêu chất lượng năm học cấp đơn vị.	Sau khi hoàn thiện nội dung	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng phụ trách các khoa	Nội dung mục tiêu chất lượng năm học của khoa đã phê duyệt
10.	Xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu cấp đơn vị. Phê duyệt	Sau khi mục tiêu chất lượng được phê duyệt	Các khoa	- Hiệu trưởng; - Phó Hiệu trưởng.	Bản kế hoạch thực hiện mục tiêu chi tiết đã phê duyệt.
11.	Triển khai thực hiện mục tiêu chất lượng cấp đơn vị.	Sau khi mục tiêu được phê duyệt	Trưởng các khoa	Phó Hiệu trưởng được phân công phụ trách	Bản kế hoạch thực hiện mục tiêu của các khoa.

2. Mục tiêu 6.2: Xây dựng, vận hành các quy trình, công cụ

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Xây dựng các quy trình, công cụ.	Theo kế hoạch của các đơn vị	Các đơn vị		- Nội dung quy trình; - Công cụ, biểu mẫu
2.	Vận hành các quy trình, công cụ đã ban hành.	Trong năm	Các đơn vị		- Các quy trình, công cụ; - Hiệu quả công việc; - Hiệu chỉnh, cải tiến.

3. Mục tiêu 6.3: Đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Lập kế hoạch đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng	Tháng 12/2019	P. BDCL-KT		Bản kế hoạch
2.	Phê duyệt kế hoạch	Tháng 12/2019	Hiệu trưởng	P. BDCL-KT	Bản kế hoạch đã phê duyệt
3.	Triển khai, tổ chức đánh giá việc thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường, việc vận hành các quy trình, công cụ.	Trong tháng 12	P. BDCL-KT	Các đơn vị được phân công theo kế hoạch.	- Các báo cáo; - Những công việc hoàn thành; - Những tồn tại.
4.	Triển khai, tổ chức đánh giá việc thực hiện mục tiêu chất lượng cấp đơn vị, việc vận hành các quy trình, công cụ.	Trong tháng 12/2019	P. BDCL-KT	Các khoa	- Các báo cáo; - Những công việc hoàn thành; - Những tồn tại.
5.					

	Người soạn thảo	Người kiểm tra/Theo dõi thực hiện	Người phê duyệt
Chữ ký			
Họ và tên	Nguyễn Văn Thoại	Nguyễn Kim Khánh	Trần Văn Hải
Chức danh	PTP. BDCL-KT	PTP. BDCL-KT	HIỆU TRƯỞNG

	TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG NĂM HỌC 2018 - 2019 ĐƠN VỊ THEO DÕI THỰC HIỆN: PHÒNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG – KHẢO THÍ	Mã hóa: KH/MTCL-07/2018-2019
		Lần ban hành: 01
		Hiệu lực từ ngày: 30/10/2018
		Trang/Tổng số trang: 1/3

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG CẤP TRƯỜNG SỐ 07

Nội dung mục tiêu 7: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng 07 chương trình đào tạo các nghề trọng điểm.

Chữ viết tắt:

- CSGDNN : Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp;
- CTĐT : Chương trình đào tạo;
- Phòng TC-HC : Phòng Tổ chức – Hành chính;
- P. BDCL – KT : Phòng Bảo đảm chất lượng – Khảo thí;
- LĐTB&XH : Lao động thương binh và xã hội.

1. Mục tiêu 7.1: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Họp Hội đồng tự đánh giá rút kinh nghiệm công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục năm 2018.	Tháng 2/2019	Hội đồng tự đánh giá CLCSGDNN	Phòng BDCL-KT	Những tiêu chuẩn tồn tại năm 2018.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
2.	Lập kế hoạch khắc phục những tồn tại các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGDNN và CTĐT của năm 2018. Phê duyệt.	Tháng 2/2019	- Hiệu trưởng; - P. BDCL-KT.	- Các đơn vị; - Hội đồng tự đánh giá.	Bản kế hoạch: Nội dung khắc phục, phân công, thời gian hoàn thành.
3.	Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng CSGDNN.	Tháng 3/2019	Hiệu trưởng		Quyết định.
4.	Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CSGDNN năm 2019. Phê duyệt.	Tháng 3/2019	- Hiệu trưởng; - P. BDCL-KT.	- Các đơn vị; - Hội đồng tự đánh giá.	Bản kế hoạch: Nội dung tự đánh giá, phân công, thời gian hoàn thành.
5.	Thực hiện tự đánh giá theo kế hoạch	Từ tháng 4/2019 đến tháng 11/2019	Các đơn vị được phân công		Phiếu tự đánh giá tiêu chuẩn, tiêu chí.
6.	Họp Hội đồng giải quyết, khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt	Tháng 10/2019	Hội đồng tự đánh giá	Các đơn vị	Các tiêu chuẩn chưa đạt cần khắc phục.
7.	Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá. Lấy ý kiến.	Tháng 11/2019	- Các đơn vị; - P. BDCL-KT		Bản dự thảo báo cáo
8.	Hoàn thiện và gửi báo cáo cho Sở LĐTĐ&XH; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.	13/12/2019	P. BDCL-KT	Phòng TC-HC	Bản báo cáo.

2. Mục tiêu 7.2: Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng 07 chương trình đào tạo các nghề trọng điểm.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
1.	Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT.	Tháng 3/2019	Hiệu trưởng		Quyết định.
2.	Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT năm 2019. Phê duyệt.	Tháng 3/2019	- Hiệu trưởng; - P. BDCL-KT.	- Các đơn vị; - Hội đồng tự đánh giá.	Bản kế hoạch: Nội dung tự đánh giá, phân công, thời gian hoàn thành.

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/Đơn vị thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Hồ sơ/kết quả
3.	Thực hiện tự đánh giá theo kế hoạch.	Từ tháng 4/2019 đến tháng 11/2019	Các đơn vị được phân công		Phiếu tự đánh giá tiêu chuẩn, tiêu chí.
4.	Họp Hội đồng giải quyết, khắc phục các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT chưa đạt.	Tháng 10/2019	Hội đồng tự đánh giá	Các đơn vị	Các tiêu chuẩn chưa đạt cần khắc phục.
5.	Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá. Lấy ý kiến.	Tháng 11/2019	- Các đơn vị; - P. BĐCL-KT		Bản dự thảo báo cáo
6.	Hoàn thiện và gửi báo cáo cho Sở LĐTĐ&XH; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.	13/12/2019	P. BĐCL-KT	Phòng TC-HC	Bản báo cáo.

	Người soạn thảo	Người kiểm tra/Theo dõi thực hiện	Người phê duyệt
Chữ ký			
Họ và tên	Nguyễn Văn Thoại	Nguyễn Kim Khánh	Trần Văn Hải
Chức danh	PTP. BĐCL-KT	PTP. BĐCL-KT	HIỆU TRƯỞNG